

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**

Bản án số: 37/2026/HS-ST
Ngày 26/05/2026

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Thái Thị Thanh Thúy
2. Ông Lê Trọng Thế

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Lan - Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2026/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2026;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2026/QĐXXST-HS ngày 13/5/2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 05 tháng 10 năm 1964, tại Ninh Bình; số CCCD 035064004392; nguyên quán: **Xã Y, tỉnh Ninh Bình**; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: **Khối T, phường T, tỉnh Nghệ An**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Mạnh T** (đã chết), con **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1930; có vợ: **Đặng Thị H1**, sinh năm 1972 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/02/2026 đến ngày 09/02/2026, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay (có mặt).

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Hoàng H2**, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: **Xóm H, xã N, tỉnh Nghệ An** (vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ Chị **Quang Thị X**, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: **Bản N, xã Q, tỉnh Nghệ An** (vắng mặt).

+ Chị **Lương Thị N**, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: **Bản Đ, xã Q, tỉnh Nghệ An** (vắng mặt).

+ Anh **Tăng Ngọc H3**, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: **Xóm T, xã Đ, tỉnh Nghệ An** (vắng mặt).

-Người chứng kiến:

+ Ông **Trần Ngọc B**, sinh năm 1964

Trú tại: **Khối L, phường T, tỉnh Nghệ An** (vắng mặt);
 + Ông **Hồ Công C**, sinh năm 1960
 Trú tại: **Khối T, phường T, tỉnh Nghệ An** (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Đặng Thị H1 (là vợ của **Nguyễn Văn L**) có đăng ký hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú nhà nghỉ có địa chỉ tại **số F, đường P, khối T, phường T, tỉnh Nghệ An** (được **Ủy ban nhân dân thị xã T** (cũ) cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 27T8000247 ngày 20/7/2014 mang tên **Đặng Thị H1**). Vì lý do sức khỏe thường xuyên phải đi điều trị tại bệnh viện nên bà **H1** đã giao cho **Nguyễn Văn L** trực tiếp quản lý, điều hành mọi hoạt động tại nhà nghỉ. Đến khoảng đầu tháng 2 năm 2026, do việc kinh doanh dịch vụ lưu trú không có khách, không có thu nhập nên **Nguyễn Văn L** không bàn bạc với vợ mà tự nảy sinh ý định cho nhân viên nữ đến bán dâm tại nhà nghỉ nhằm thu lợi bất chính từ việc khách trả tiền mua dâm cho nhân viên. Vào các ngày 01/02/2026 và ngày 02/02/2026 khi **L** đang ở nhà nghỉ thì có **Quang Thị X**, và **Lương Thị N** đến gặp **L** đặt vấn đề xin làm nhân viên tại nhà nghỉ để bán dâm cho khách có nhu cầu thì **L** đồng ý. **X** và **N** thỏa thuận thống nhất với **L** khi nào có khách đến mua dâm thì **X** và **N** sẽ thực hiện bán dâm cho khách tại nhà nghỉ với giá mỗi lượt bán dâm là 250.000 (Hai trăm năm mươi nghìn) đồng và sẽ trực tiếp thu tiền của khách, sau khi bán dâm xong sẽ trích lại cho **L** 100.000 (Một trăm nghìn) đồng. Sau đó, **Nguyễn Văn L** bố trí cho **X** và **N** ở chung phòng trên tầng hai của nhà nghỉ.

Khoảng hơn 20 giờ ngày 02/02/2026, **Nguyễn Hoàng H2** và bạn là **Tăng Ngọc H3** cùng rủ nhau đến nhà nghỉ của **L** để mua dâm. Khi đến nhà nghỉ **H2** thay mặt cho **H3** hỏi **Nguyễn Văn L**: “*có con em nào không bác?*” (ý là hỏi **L** ở đây có gái bán dâm hay không?), thì **L** trả lời: “*có, có hai đứa vừa xuống có đi thì đi*” (ý là **L** xác nhận có hai nhân viên bán dâm, nếu muốn mua dâm thì vào). Sau đó, **L** nói vọng lên tầng hai nói với **X** và **N** “*có hai khách ở dưới hai đứa xuống mà đi*” (nghĩa là nói với **X**, **N** có hai khách có nhu cầu mua dâm, xuống để bán dâm cho khách). Khi **X** và **N** đi xuống thì **H2**, **H3** nhìn một lúc và đồng ý mua dâm. Sau đó, **L** nói **H2** và **H3** lần lượt vào các phòng thứ nhất và thứ hai ở tầng một của nhà nghỉ, **N** đi theo sau vào phòng với **H2**, còn **X** đi vào phòng của **H3**. Tại phòng nghỉ thứ nhất, **N** thỏa thuận với **H2** giá bán mua, bán dâm mỗi lần là 250.000 (Hai trăm năm mươi nghìn) đồng thì **H2** đồng ý. **Nguyễn Hoàng H2** lấy ra một tờ tiền mệnh giá 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng đưa cho **N** để thanh toán nhưng do không có tiền trả lại nên **N** nói **H2** giữ lại khi nào mua bán dâm xong sẽ ra quầy lễ tân thanh toán. Sau đó, **H2** và **N** cởi hết quần áo ra, **N** đưa cho **H2** 01 (Một) bao cao su rồi thực hiện hành vi quan hệ tình dục với nhau. Tại phòng nghỉ thứ hai, **X** thỏa thuận với **H3** giá mua bán dâm mỗi lần là 250.000 (Hai trăm năm

mười nghìn) đồng thì H3 đồng ý. Sau đó, H3 đưa cho X số tiền 250.000 (Hai trăm năm mươi nghìn) đồng rồi H3 và X cởi hết quần áo, X đưa cho H3 01 (Một) bao cao su rồi thực hiện hành vi quan hệ tình dục với nhau. Đến khoảng 20 giờ 45 phút cùng ngày, khi các đối tượng trên đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại nhà nghỉ của Nguyễn Văn L thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N phát hiện, lập biên bản sự việc và thu giữ các đồ vật, tài liệu liên quan.

Nhận thấy hành vi chứa mại dâm của mình là vi phạm pháp luật nên Nguyễn Văn L đã đến Cơ quan CSĐT C đầu thú

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKSKV8 ngày 16 tháng 4 năm 2026, của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An đã truy tố Nguyễn Văn L về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 - Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 - Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 20 (hai mươi) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 40 (bốn mươi) đến 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Chứa mại dâm”. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 106 - Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47 - Bộ luật Hình sự:

Tuyên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) thu giữ của Quang Thị X và thu giữ của Nguyễn Hoàng H2.

Tuyên tịch thu, tiêu hủy 02 (hai) vỏ bao cao su và 02 (Hai) bao cao su nhãn hiệu VIP, đã qua sử dụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 - Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên: Trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng H2 số tiền 250.000đ vì không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và hành vi mua dâm của Nguyễn Hoàng H2.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo luật định.

Bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa; tuy nhiên trong quá trình điều tra đã thu thập đầy đủ các ý

kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng, nên việc vắng mặt những người này, không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào các Điều 292, 293 - BLTTHS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt những người trên.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với Biên bản làm việc lập hồi 20 giờ 45 phút ngày 02/02/2026 tại nhà nghỉ của bị cáo cùng vật chứng thu giữ được, lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra và phù hợp các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa, từ đó đã xác định được: Ngày 02/02/2026, **Nguyễn Văn L** cho **Quang Thị X** và **Lương Thị N** sử dụng hai phòng tại nhà nghỉ do **L** quản lý để thực hiện hành vi mua bán dâm với **Nguyễn Hoàng H2** và **Tăng Ngọc H3** nhằm thu lợi bất chính từ việc **X** và **N** bán dâm cho **H2** và **H3** tại nhà nghỉ mỗi lượt là 100.000 (Một trăm nghìn) đồng; hành vi trên của bị cáo **Nguyễn Văn L** đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 327 - Bộ luật Hình sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2025) như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng; nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến đạo đức xã hội, truyền thống và thuần phong mỹ tục của dân tộc. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi chứa mại dâm là bị pháp luật nghiêm cấm và trừng trị nhưng vẫn cố ý thực hiện, vì vậy cần xét xử nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; sau khi phạm tội đã đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; bố bị cáo ông **Nguyễn Mạnh T** là thương binh, được Nhà nước tặng thưởng 01 huân chương kháng chiến, 1 huân chương chiến thắng, 02 huân chương chiến sỹ vẻ vang, nên cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51- Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện, kết hợp việc xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi thường trú rõ ràng nên chưa cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 - Bộ luật Hình sự như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 cũng đủ nghiêm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 327 và khoản 4 Điều 328 Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền; tuy nhiên, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo

tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo nghề nghiệp không ổn định, có thu nhập hàng tháng thấp Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

7] Vật chứng vụ án gồm: Số tiền 750.000 đồng bao gồm thu giữ của **Quang Thị X** 250.000đ và thu giữ của **Nguyễn Hoàng H2** 500.000đ. Xét số tiền này gồm có 500.000đ là của những người liên quan đã sử dụng để thực hiện trao đổi hành vi mua bán dâm nên tịch thu sung theo điểm b khoản 2 Điều 106 - Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 47 - Bộ luật Hình sự; còn lại số tiền 250.000đ thu của **Nguyễn Hoàng H2** không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và hành vi mua dâm của **Nguyễn Hoàng H2** nên căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 - Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Hoàng H2**

Đối với 02 (hai) vỏ bao cao su và 02 (Hai) bao cao su nhãn hiệu VIP, đã qua sử dụng thu giữ trong quá trình kiểm tra phát hiện hành vi mua, bán dâm của bị cáo và các đối tượng khác; xét vật chứng này không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 - Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Đối với bà **Đặng Thị H1** là người đứng tên đăng ký hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú tại nhà nghỉ, tuy nhiên bà **H1** đã giao toàn quyền quản lý, điều hành nhà nghỉ cho **Nguyễn Văn L** và bà **H1** không biết việc **L** thực hiện hành vi chứa mại dâm nên không xử lý đối với bà **Đặng Thị H1**. Đối với hành vi bán dâm của **Quang Thị X** và **Lương Thị N**, hành vi mua dâm **Nguyễn Hoàng H2** và **Tăng Ngọc H3**, **Công an tỉnh nghệ A** đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

[11] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 - Bộ luật Hình sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025):

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L** 20 (hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 40 (bốn mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26 /5/2026), về tội “Chứa mại dâm”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo **Nguyễn Văn L** về cho **UBND phường T**, tỉnh Nghệ An, nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Căn cứ các điểm b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 - Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 47 - Bộ luật Hình sự tuyên:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) thu giữ của **Quang Thị X** và **Nguyễn Hoàng H2**.

Trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Hoàng H2** số tiền 250.000đ (hai trăm, năm mươi nghìn đồng)

Số tiền trên hiện có tại Phòng giao dịch số 21 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI, tỉnh Nghệ An; theo Phiếu nhập kho lập ngày 23/03/2026 và Biên bản giao nhận tài sản ngày 23/03/2026 giữa Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh N** và **Phòng G** - Kho bạc Nhà nước khu vực XI, tỉnh Nghệ An.

Tịch thu, tiêu hủy 02 (hai) vỏ bao cao su và 02 (Hai) bao cao su nhãn hiệu VIP, đã qua sử dụng

Tang vật trên hiện có tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Nghệ An theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 16 tháng 04 năm 2026 giữa Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh N** và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Nghệ An.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo **Nguyễn Văn L** phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Hoàng H2** vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 8 - Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- Phòng giao dịch số 21 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI, tỉnh Nghệ An.
- Phân trại tạm giam Thái Hòa, Công an tỉnh Nghệ An
- Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngoan